

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 5

MÔN: TIẾNG ANH 6 GLOBAL SUCCESS

Exercise 1: Odd one out.

- | | | | |
|-------------------|--------------|----------------|-----------------|
| 1. A. square | B. cathedral | C. post office | D. postman |
| 2. A. teacher | B. better | C. larger | D. quieter |
| 3. A. lucky money | B. firework | C. decorate | D. kumquat tree |
| 4. A. bay | B. cave | C. mountain | D. calendar |
| 5. A. talkative | B. funny | C. helpful | D. thin |

Exercise 2: Choose the best answer A, B, C or D.

6. At Tet, my mom and my grandma usually _____ many traditional dishes. We love it!
A. eat B. cook C. decorate D. wish
7. I was surprised with the fact that pigs are _____ than dogs.
A. good B. smart C. smarter D. gooder
8. My friend is interested in paintings so her dad takes her to the _____ on weekends.
A. museum B. cinema C. station D. art gallery
9. He decided to travel the world but then he realized that nowhere is _____ than Viet Nam.
A. beautiful B. peaceful C. more beautiful D. noisy
10. - “ _____ ”
- Go along this street. It’s on your right.
A. Where are we now?
B. Excuse me, I get lost!
C. Excuse me, where is the nearest post office?
D. I don’t know where I am now. Can you give me your address?
11. _____ is older, your grandfather or grandmother?
A. Which B. Who C. How D. What
12. This is a difficult question, so only _____ students can answer it.
A. few B. any C. many D. a few
13. Children _____ learn another language at the age of six.
A. should B. must C. mustn’t D. should be
14. _____ this street and turn left in the intersection. The park is on your right.
A. You go along B. Turn right C. Take D. Go along
15. Our country _____ many festivals and celebrations and I really want to know about the origins of them.
A. has B. include C. contain D. have
16. At Tet, in the northern part of Viet Nam, people usually decorate their house with _____ flowers.

- A. apricot B. peach C. rose D. sunflower
17. Nha Trang beach is one of the beautiful _____ in Viet Nam.
A. place B. area C. destination D. destinations
18. You should _____ the door before entering others' rooms.
A. knocks B. knock C. knocking D. visit
19. There _____ two parks and a lake in my neighbourhood.
A. is B. are C. am D. be
20. Ha Long Bay has thousands of big and small _____.
A. natural B. nature C. island D. islands

Exercise 3: Read the email below and choose the best answer (A, B, C or D) to fill in the blanks. Dear An,

Let's (21) _____ on Sunday afternoon at An Café on Truong Cong Giai Street. There's a park on the corner of the street. The café is next to the park. We can also go for a walk after taking our drinks. There's also a cinema opposite the café (22) _____ we can see a film after we have coffee. Which one do you prefer?

To (23) _____ to the café, take bus (24) _____ 8 to Quang Trung Street. Get off at the bus stop in front of a park. Go along the street (25) _____ you get to the traffic lights and then turn right. Take the first turning on your right. Go straight ahead – just about 500 metres and it's on your left.

Your friend,

Minh

21. A. meeting B. see C. meet D. go
22. A. because B. even C. despite D. so
23. A. catch B. get C. drive D. be
24. A. number B. letter C. address D. sign
25. A. so B. until C. but D. although

Exercise 4: Read the passage then answer the questions.

DA NANG

Da Nang has a population of nearly 800,000 people. The Han River flows through the city. The city part on the east bank is newer and more spacious. The city part on the west bank is more crowded. There are five bridges across the river. The Han River Bridge is the newest one now.

The cost of living in Da Nang is the lowest in Central Viet Nam. Da Nang has many beaches. Among them, Non Nuoc Beach is one of the most beautiful beaches in the world. But walking in the streets on a summer afternoon is not a good idea in Da Nang. There are not many trees so there are not many shadows. It is often very hot at noon.

26. What is the population of Da Nang?
27. Which part of the city is more spacious?

28. Which part of the city is more crowded?

29. Which bridge is the newest?

30. What is Non Nuoc Beach like?

Exercise 5: Identify the mistake in each sentence.

31. There are some apple juice and some lemonade. Which one do you prefer?

32. I would like to give my sister some advices on some dishes she should try in Da Nang city.

33. My parents always tells us to keep quiet in a public place.

34. How many bread do you want?

35. Children should to do morning exercises to stay healthy.

Exercise 6: Complete the second sentence so that it has the similar meaning to the first one.

36. How many times a week do you go to the library? How.....

.....

37. ~~We have~~ no oil left in the kitchen.

There

38. ~~She has~~ three dolls and two teddy bears in her room.

There

39. ~~It is good~~ to finish your homework after school.

You should.....

40. ~~Living~~ in a city is noisier than living in a countryside.

Living in a countryside



HƯỚNG DẪN GIẢI

1. D	2. A	3. C	4. D	5. D
6. B	7. C	8. D	9. C	10. C
11. B	12. D	13. A	14. D	15. A
16. B	17. D	18. B	19. B	20. D
21. C	22. D	23. B	24. A	25. B
31. are => is	32. advices => advice	33. tells => tell	34. many => much	35. to do => do

26. The population of Da Nang is nearly 800,000 people.

27. The city part on the east bank is more spacious.

28. The city part on the west bank is more crowded.

29. The Han River Bridge is the newest one now.

30. Non Nuoc Beach is one of the most beautiful beaches in the world.

36. often do you go to the library?

37. isn't any oil left in the kitchen.

38. are three dolls and two teddy bears in her room.

39. finish your homework after school.

40. is quieter than living in a city.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. D

Kiến thức: Từ khác loại

Giải thích:

A. square (n): quảng trường

B. cathedral (n): nhà thờ lớn

C. post office (n): bưu điện

D. postman (n): người đưa thư

Phương án D là danh từ chỉ người, còn lại đều là danh từ chỉ địa điểm

Chọn D.

2. A

Kiến thức: Từ khác loại

Giải thích:

A. teacher (n): giáo viên

B. better (adj): tốt hơn

C. larger (adj): to hơn

D. quieter (adj): yên tĩnh hơn

Phương án A là danh từ chỉ người, còn lại đều là tính từ ở dạng so sánh hơn

Chọn A.

3. C

Kiến thức: Từ khác loại

Giải thích:

A. lucky money (n): tiền mừng tuổi

B. firework (n): pháo hoa

C. decorate (v): trang trí

D. kumquat tree (n): cây quất

Phương án C là động từ, còn lại đều là danh từ

Chọn C.

4. D

Kiến thức: Từ khác loại

Giải thích:

A. bay (n): vịnh

B. cave (n): hang động

C. mountain (n): núi

D. calendar (n): lịch

Phương án D là danh từ chỉ lịch/ tờ lịch, còn lại đều là danh từ chỉ sự vật trong tự nhiên

Chọn D.

5. D

Kiến thức: Từ khác loại

Giải thích:

A. talkative (adj): nói nhiều

B. funny (adj): hài hước, buồn cười

C. helpful (adj): giúp ích, có ích

D. thin (adj): gầy, mỏng

Phương án D là tính từ chỉ ngoại hình, còn lại đều là tính từ chỉ tính cách

Chọn D.

6. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. eat (v): ăn

B. cook (v): nấu

C. decorate (v): trang trí

D. wish (v): ước

Tạm dịch: Vào dịp Tết, mẹ và bà tôi thường nấu nhiều món ăn truyền thống. Chúng tôi rất thích nó!

Chọn B.

7. C

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết: “than” => câu so sánh hơn

Cấu trúc so sánh hơn với tính từ ngắn: S1 + be + adj_er + than + S2

so sánh hơn: “smart” => “smarter”

Tạm dịch: Tôi rất ngạc nhiên với một sự thật là loài heo thông minh hơn loài chó.

Chọn C.

8. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. museum (n): bảo tàng

B. cinema (n): rạp chiếu phim

C. station (n): nhà ga

D. art gallery (n): phòng triển lãm nghệ thuật

Tạm dịch: Bạn tôi thích tranh nên bố cô ấy đưa cô ấy đến phòng tranh vào mỗi cuối tuần.

Chọn D.

9. C

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

A. beautiful (adj): đẹp

B. peaceful (adj): yên bình

C. more beautiful: đẹp hơn

D. noisy (adj): ồn ào, âm ỉ

Dấu hiệu nhận biết: “than” => câu so sánh hơn

Cấu trúc so sánh hơn với tính từ dài: S1 + be + more + adj + than + S2

so sánh hơn: “beautiful” => “more beautiful”

Tạm dịch: Anh ta đã quyết định đi du lịch khắp thế giới nhưng rồi anh nhận ra rằng không đâu đẹp hơn Việt Nam.

Chọn C.

10. C

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

- “_____”

- Đi dọc theo con đường này. Nó ở phía bên phải của bạn.

- A. Bây giờ chúng ta đang ở đâu?
- B. Xin lỗi, tôi bị lạc!
- C. Xin lỗi, bưu điện gần nhất ở đâu?
- D. Tôi không biết tôi đang ở đâu. Bạn có thể cho tôi địa chỉ của bạn?

Chọn C.

11. B

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích:

- A. Which: Cái nào
- B. Who: Ai
- C. How: Như thế nào
- D. What: Cái gì

Tạm dịch: Ai nhiều tuổi hơn, ông hay bà của bạn?

Chọn B.

12. D

Kiến thức: Lượng từ

Giải thích:

- A. few + N đếm được dạng số nhiều: rất ít, không nhiều (ít hơn mức mong đợi)
- B. any + N đếm được dạng số nhiều/ N không đếm được: một chút (dùng trong câu phủ định, nghi vấn)
- C. many + N đếm được dạng số nhiều: nhiều
- D. a few + N đếm được dạng số nhiều: một vài (như mong đợi hoặc nhiều hơn)

Tạm dịch: Đây là một câu hỏi khó nên chỉ có một vài học sinh trả lời được.

Chọn D.

13. A

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

- A. should: nên
- B. must: phải
- C. mustn't: không được
- D. should be: nên là

Tạm dịch: Trẻ em nên học một ngôn ngữ khác khi sáu tuổi.

Chọn A.

14. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. You go along: Bạn đi dọc

- B. Turn right: rẽ phải
- C. Take: lấy/cầm/nắm
- D. Go along: Đi dọc

Tạm dịch: Đi dọc theo con phố này và rẽ trái ở giao lộ. Công viên ở phía bên phải bạn.

Chọn D.

15. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. has (v): có
- B. include (v): bao gồm
- C. contain (v): chứa
- D. have (v): có

Thì hiện tại đơn: S + V_(s/es)

Chủ ngữ "Our country" – danh từ số ít

Tạm dịch: Đất nước chúng tôi có rất nhiều lễ hội và lễ kỷ niệm và tôi thực sự muốn biết về nguồn gốc của chúng.

Chọn A.

16. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. apricot (n): quả mơ
- B. peach (n): quả đào
- C. rose (n): hoa hồng
- D. sunflower (n): hoa hướng dương

Tạm dịch: Vào dịp Tết, ở miền Bắc Việt Nam, người ta thường trang trí nhà bằng hoa đào.

Chọn B.

17. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. place (n): địa điểm
- B. area (n): khu vực
- C. destination (n): điểm đến
- D. destinations (n): những điểm đến

=> one of + N đếm được dạng số nhiều: một trong những ...

Tạm dịch: Bãi biển Nha Trang là một trong những điểm đến đẹp ở Việt Nam.

Chọn D.

18. B

Kiến thức: To V/ V_ing

Giải thích:

A. knocks (V_s): gõ

B. knock (v): gõ

C. knocking (V_ing): gõ

D. visit (v): thăm

should + V_infinitive: nên làm gì

Tạm dịch: Bạn nên gõ cửa trước khi vào phòng của người khác.

Chọn B.

19. B

Kiến thức: Động từ “be”

Giải thích:

There is + N đếm được dạng số ít/ N không đếm được: Có cái gì ...

There are + N đếm được dạng số nhiều: Có cái gì ...

Tạm dịch: Có hai công viên và một cái hồ trong khu tôi sống.

Chọn B.

20. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. natural (adj): thuộc về tự nhiên

B. nature (n): thiên nhiên, tự nhiên

C. island (n): hòn đảo

D. islands (n): những hòn đảo

Tạm dịch: Vịnh Hạ Long có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ.

Chọn D.

21. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. meeting (V_ing): gặp gỡ

B. see (v): nhìn thấy, gặp

C. meet (v): gặp gỡ, gặp mặt

D. go (v): đi

=> Let's + V_infinitive: Hãy làm gì

Let's (21) meet on Sunday afternoon at An Café on Truong Cong Giai Street.

Tạm dịch: Hãy gặp nhau vào chiều Chủ Nhật tại An Café trên đường Trương Công Giai nhé.

Chọn C.

22. D

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

A. because + S + V: bởi vì ... (chỉ nguyên nhân)

B. even (adv): thậm chí, kể cả

C. despite + cụm danh từ/ V_ing: mặc dù ... (chỉ sự nhượng bộ)

D. so + S + V: vì vậy ... (chỉ kết quả)

There's also a cinema opposite the café (22) so we can see a film after we have coffee.

Tạm dịch: Đối diện quán cà phê cũng có một rạp chiếu phim do đó chúng ta có thể xem phim sau khi uống cà phê.

Chọn D.

23. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. catch (v): bắt, tóm

B. get (v): đạt được, có được, đến

C. drive (v): lái

D. be (v): thì/ là/ ở

To (23) get to the café, ...

Tạm dịch: Để đến quán cà phê, ...

Chọn B.

24. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. number (n): con số, số

B. letter (n): chữ cái

C. address (n): địa chỉ

D. sign (n): kí hiệu

... take bus (24) number 8 to Quang Trung Street.

Tạm dịch: ... bạn bắt xe buýt số 8 đến đường Quang Trung.

Chọn A.

25. B

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

A. so + S + V: vì vậy ... (chỉ kết quả)

B. until + S + V: cho đến khi ...

C. but + S + V: nhưng ...

D. although + S + V: mặc dù ... (chỉ sự nhượng bộ)

Go along the street (25) until you get to the traffic lights and then turn right.

Tạm dịch: Đi dọc theo con phố cho đến khi bạn đến chỗ đèn giao thông và sau đó rẽ phải.

Chọn B.

Dịch bài đọc:

Nội dung dịch:

An thân mến,

Hãy gặp nhau vào chiều Chủ Nhật tại An Café trên đường Trương Công Giai nhé. Có một công viên ở góc phố. Quán cà phê bên cạnh công viên. Chúng ta cũng có thể đi dạo sau khi lấy đồ uống. Đối diện quán cà phê cũng có một rạp chiếu phim do đó chúng ta có thể xem phim sau khi uống cà phê. Bạn thích như nào hơn?

Đề đến quán cà phê, bạn bắt xe buýt số 8 đến đường Quang Trung. Xuống xe buýt trước cửa công viên. Đi dọc theo con phố cho đến khi bạn đến chỗ đèn giao thông và sau đó rẽ phải. Ở chỗ rẽ đầu tiên bạn rẽ bên phải. Đi thẳng về phía trước - chỉ khoảng 500 mét và nó nằm phía bên trái của bạn.

Bạn của bạn,

Minh

26.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Dân số Đà Nẵng là bao nhiêu?

Thông tin: Da Nang has a population of nearly 800,000 people.

Tạm dịch: Đà Nẵng có dân số gần 800.000 người.

Đáp án: The population of Da Nang is nearly 800,000 people.

27.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Phần nào của thành phố rộng rãi hơn?

Thông tin: The city part on the east bank is newer and more spacious.

Tạm dịch: Phần thành phố ở bờ đông mới hơn và rộng hơn.

Đáp án: The city part on the east bank is more spacious.

28.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Phần nào của thành phố đông đúc hơn?

Thông tin: The city part on the west bank is more crowded.

Tạm dịch: Phần thành phố ở bờ tây đông đúc hơn.

Đáp án: The city part on the west bank is more crowded.

29.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Cây cầu nào là mới nhất?

Thông tin: The Han River Bridge is the newest one now.

Tạm dịch: Cầu sông Hàn là cầu mới nhất hiện nay.

Đáp án: The Han River Bridge is the newest one now.

30.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Bãi biển Non Nước như thế nào?

Thông tin: Among them, Non Nuoc Beach is one of the most beautiful beaches in the world.

Tạm dịch: Trong số đó, bãi biển Non Nước là một trong những bãi biển đẹp nhất thế giới.

Đáp án: Non Nuoc Beach is one of the most beautiful beaches in the world.

Dịch bài đọc:

ĐÀ NẴNG

Đà Nẵng có dân số gần 800.000 người. Dòng sông Hàn chảy qua thành phố. Phần thành phố ở bờ đông mới hơn và rộng hơn. Phần thành phố ở bờ tây đông đúc hơn. Có năm cây cầu bắc qua sông. Cầu sông Hàn là cầu mới nhất hiện nay.

Chi phí sinh hoạt tại Đà Nẵng thấp nhất miền Trung Việt Nam. Đà Nẵng có nhiều bãi biển. Trong số đó, bãi biển Non Nước là một trong những bãi biển đẹp nhất thế giới. Nhưng dạo phố vào một buổi trưa hè không phải là ý kiến hay ở Đà Nẵng. Không có nhiều cây nên không có nhiều bóng râm. Trời thường rất nóng vào buổi trưa.

31.

Kiến thức: Cấu trúc với “there + be”

Giải thích:

There is + N đếm được dạng số ít/ N không đếm được

There are + N đếm được dạng số nhiều

Sửa: are => is

Tạm dịch: Có một ít nước táo và một ít nước chanh. Bạn thích cái nào hơn?

Đáp án: are

32.

Kiến thức: Danh từ

Giải thích:

“advice”: lời khuyên => là danh từ không đếm được

Sửa: advices => advice

Tạm dịch: Tôi muốn đưa cho chị tôi một vài lời khuyên về một số món ăn mà chị ấy nên thử ở Đà Nẵng.

Đáp án: advices

33.

Kiến thức: Sự hoà hợp giữa chủ ngữ và động từ

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết: “always” => chia thì hiện tại đơn

Thì hiện tại đơn: S + V_(s/es)

Chủ ngữ “My parents”: Bố mẹ của tôi => chủ ngữ số nhiều

Sửa: tells => tell

Tạm dịch: Bố mẹ tôi luôn dặn chúng tôi phải giữ im lặng khi ở nơi công cộng.

Đáp án: tells

34.

Kiến thức: Lượng từ

Giải thích:

How many + N đếm được dạng số nhiều: Bao nhiêu

How much + N không đếm được: Bao nhiêu

“bread”: bánh mì => danh từ không đếm được

Sửa: many => much

Tạm dịch: Cậu muốn bao nhiêu bánh mì?

Đáp án: many

35.

Kiến thức: To V/ V_ing

Giải thích:

should + V_infinite: nên làm gì

Sửa: to do => do

Tạm dịch: Trẻ em nên tập thể dục buổi sáng để khỏe mạnh.

Đáp án: to do

36.

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu

Giải thích:

How many times a week: Bao nhiêu lần 1 tuần = How often

Tạm dịch: Bạn đến thư viện bao nhiêu lần một tuần?

= Bạn đến thư viện thường xuyên như thế nào?

Đáp án: often do you go to the library?

37.

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu

Giải thích:

Cấu trúc: S + have/ has + no + _____ + in + địa điểm: Ai đó không có cái gì ở đâu

= There + be + not + _____ + in + địa điểm: Không có cái gì ở đâu

Tạm dịch: Chúng tôi không còn dầu trong nhà bếp.

= Không có chút dầu nào trong nhà bếp.

Đáp án: isn't any oil left in the kitchen.

38.

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu

Giải thích:

Cấu trúc: S + have/ has + _____ + in + địa điểm: Ai đó có cái gì ở đâu

= There + be + _____ + in + địa điểm: Có cái gì ở đâu

Tạm dịch: Cô ấy có ba con búp bê và hai con gấu bông trong phòng của mình.

= Có ba con búp bê và hai con gấu bông trong phòng của cô ấy.

Đáp án: are three dolls and two teddy bears in her room.

39.

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu

Giải thích:

Cấu trúc: It + be + adj + to V_infinite: Thật là làm sao khi làm gì

S + should + V_infinite: Ai đó nên làm gì

Tạm dịch: Sẽ rất tốt nếu bạn hoàn thành bài tập về nhà sau giờ học.

= Bạn nên hoàn thành bài tập về nhà sau giờ học.

Đáp án: finish your homework after school.

40.

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

So sánh hơn với tính từ ngắn: S1 + be + adj_er + than + S2

noisy (adj): ồn ào >< quiet (adj): yên tĩnh

Tạm dịch: Sống ở thành phố ồn ào hơn sống ở nông thôn.

= Sống ở nông thôn yên tĩnh hơn sống ở thành phố.

Đáp án: is quieter than living in a city.